

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CHI TIÊU CÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

THS NGUYỄN THẾ MẠNH*

1. Đánh giá hiệu quả quản lý chi tiêu công của Việt Nam trong thời gian qua.

Cùng với thuế, chi tiêu công (CTC) là một trong những công cụ chủ yếu của hoạt động tài chính quốc gia, với hai chức năng chủ yếu: chức năng xã hội và chức năng kinh tế. Theo cách hiểu chung nhất, CTC là tập hợp các khoản chi nhằm bảo đảm cho Nhà nước hoạt động và thực hiện các chức năng của mình về quản lý kinh tế - xã hội.

Hiện nay, có hai phương thức chính quản lý CTC: quản lý theo đầu vào và quản lý theo kết quả đầu ra (còn gọi là quản lý theo kết quả hoạt động). Quản lý theo đầu vào tập trung kiểm soát chi phí đầu vào của các đơn vị một cách chặt chẽ theo các tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu do Nhà nước quy định. Phương thức quản lý này có ưu điểm là đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm soát chi tiêu thông qua việc so sánh số thực chi với định mức, chế độ chi của Nhà nước. Tuy nhiên, nhược điểm là không đánh giá được việc thực hiện mục tiêu của các khoản chi; ít có tác dụng trong việc khuyến khích các đơn vị chi tiêu sử dụng ngân sách có hiệu quả. Còn quản lý theo kết quả đầu ra là phương thức quản lý CTC mới được vận dụng và phát triển từ khái niệm "quản lý theo kết quả" từ khu vực tư sang khu vực công, với sự chuyển trọng tâm từ hình thức quản lý theo "mệnh lệnh và kiểm soát" sang hình thức "thúc đẩy và hỗ trợ". Quản lý theo kết quả đầu ra gắn số lượng ngân sách được phân bổ với kết quả được tạo ra; cho phép kiểm soát và đánh

giá chi tiêu một cách đúng đắn dựa trên các mục tiêu, tiêu chí đánh giá đã được xác lập trong các kế hoạch hoạt động, dự toán ngân sách. Nhưng trên thực tế, việc vận hành phương thức này khá phức tạp, đòi hỏi phải có thời gian, nguồn lực, công cụ và những điều kiện nhất định mới có thể đáp ứng được.

Thời gian qua, Nhà nước ta đã có nhiều nỗ lực để nâng cao hiệu quả quản lý CTC, xây dựng khuôn khổ pháp lý về quản lý chi ngân sách; cải thiện tính minh bạch chi ngân sách; hoàn thiện cơ chế phân bổ nguồn lực tài chính nhà nước.

a. Xây dựng khuôn khổ pháp lý quản lý chi tiêu ngân sách.

Năm 1996, *Luật Ngân sách Nhà nước* được ban hành và qua các lần bổ sung, sửa đổi ở năm 1998 và năm 2002 đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý khá hoàn chỉnh trong việc phân định trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước về quản lý chi ngân sách nhà nước (NSNN). Theo đó:

- Quốc hội: quyết định chi NSNN bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, chi tiết theo các lĩnh vực chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ và viện trợ. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, quyết định mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục, khoa học và công nghệ.

- Chính phủ: quyết định giao nhiệm vụ chi cho các cơ quan trực thuộc Chính phủ;

* Bộ Tài chính.

quyết định giao nhiệm vụ chi cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; quy định nguyên tắc bố trí và chỉ đạo thực hiện dự toán ngân sách địa phương; quy định hoặc phân cấp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định các định mức phân bổ và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN để làm căn cứ xây dựng, phân bổ và quản lý ngân sách.

- HĐND các cấp: quyết định dự toán chi ngân sách, bao chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới; quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình và mức bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

- UBND các cấp: lập dự toán ngân sách địa phương; quyết định giao nhiệm vụ chi cho các cơ quan trực thuộc; quyết định giao nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp dưới; quy định nguyên tắc bố trí và chỉ đạo thực hiện dự toán ngân sách địa phương đối với một số lĩnh vực chi được HĐND quyết định.

- Các đơn vị sử dụng ngân sách: tổ chức lập và thực hiện dự toán chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý; chi đúng mục đích, đúng đối tượng và tiết kiệm; các đơn vị sự nghiệp được quyền chủ động sử dụng nguồn sự nghiệp để phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

b. Cải thiện tính minh bạch chi ngân sách.

Tính minh bạch chi NSNN có tầm quan trọng trong việc giải trình trước công dân về việc phân bổ nguồn lực tài chính của Nhà nước và giải trình về chất lượng chi tiêu NSNN tổng thể. Theo đánh giá của IMF, thời gian qua, Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện minh bạch tài chính, thể hiện ở việc Chính phủ đã ban hành Quyết định số 225/1998/QĐ-TTg ngày 20-11-1998 về quy chế công khai tài chính đối với NSNN các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước và các quỹ có nguồn thu từ đóng góp của nhân dân; Nghị định số

90/1998/NĐ-CP ngày 07-11-1998 của Chính phủ về Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài nhằm xác định rõ vai trò của các cơ quan chính phủ trong việc quản lý và theo dõi nợ nước ngoài; Quyết định số 1581/QĐ-BTC ngày 20-11-1998 của Bộ Tài chính về cung cấp thông tin tài chính dựa trên tiêu chuẩn thống kê tài chính cho các nhà tài trợ quốc tế ...

c. Nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực.

Những năm qua, chúng ta đã hình thành được hệ thống định mức làm cơ sở phân bổ ngân sách. Việc xác lập hệ thống định mức chi tiêu là một yếu tố quan trọng trong việc xác định hiệu quả về phân bổ và hiệu quả về mặt kỹ thuật trong CTC. Mặt khác, cũng đã xác lập được thứ tự ưu tiên trong phân bổ CTC và xây dựng ngân sách theo chương trình thông qua hoạch định các chương trình đầu tư công. Việc xây dựng chương trình đầu tư công đã tạo ra một khuôn khổ thiết lập chương trình CTC toàn diện, bao gồm chi đầu tư và chi thường xuyên, qua đó, giúp Chính phủ kiểm soát tốt việc phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính trong dài hạn.

Chính sách của Chính phủ cũng ưu tiên chi đầu tư hơn là chi thường xuyên. Đồng thời, nâng cao định hướng phục vụ người nghèo của CTC. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, Chính phủ Việt Nam đã thành công trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm đói nghèo, bao gồm cải thiện sự công bằng trong chi tiêu cho các lĩnh vực giáo dục và y tế...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý CTC vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục, như thẩm quyền ban hành chính sách chế độ chi tiêu chưa rõ ràng; chi tiêu không đúng chế độ; sử dụng tài chính không đúng mục tiêu, không đúng nguồn; bội chi, lãng phí và thất thoát...

Hiện nay, Luật NSNN tuy đã quy định cụ thể cơ quan được ban hành các chính

sách chế độ về định mức phân bổ ngân sách, chế độ chi tiêu ngân sách nhưng một số bộ, ngành vẫn thực hiện hướng dẫn các định mức phân bổ, chế độ chi tiêu trái với quy định của Luật NSNN, dẫn đến việc thực hiện ở các địa phương gặp rất nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, còn thiếu quy định về trách nhiệm giải trình của các đơn vị được trực tiếp giao và sử dụng ngân sách. Trách nhiệm giải trình dự toán, phân bổ dự toán chi NSNN và quyết toán ngân sách trước Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, HĐND và các cơ quan của HĐND các cấp mới chỉ tập trung vào các cơ quan tổng hợp (cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư); chưa có quy định cụ thể về chế độ trách nhiệm thuyết minh, giải trình của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở địa phương. Vì vậy, trách nhiệm của các đơn vị này chưa cao.

Việc phân bổ ngân sách còn kém hiệu quả, chưa xây dựng được hệ thống các tiêu chí thích hợp để xác định thứ tự ưu tiên chi tiêu. Phân bổ ngân sách theo yếu tố đầu vào đã tạo ra điểm yếu cơ bản là không khuyến khích đơn vị chi tiết kiệm ngân sách, vì không đặt ra yêu cầu ràng buộc hợp lý, chặt chẽ giữa số kinh phí được phân bổ với kết quả đạt được ở đầu ra do sử dụng ngân sách đó.

Về mặt luật pháp, kiểm soát ngân sách được thiết lập theo hướng tập trung cao độ với nhiều quy định rất chi tiết về mua sắm tài sản, định mức chi tiêu,... nhưng trên thực tế, sự kiểm soát chính thức không được thực hiện hiệu quả.

Theo số liệu thống kê, năm 2007, tại 8 bộ, ngành địa phương, qua kiểm toán đã phát hiện số tài sản mua sai chế độ, sai mục đích lên tới 95 tỉ đồng. Kiểm toán Nhà nước (KTNN) nhận định, trong chi đầu tư năm 2007, hầu hết các dự án đều sai sót; trong đó, phổ biến là “căn bệnh” nghiệm thu không đúng thực tế, sai chế độ. Tổng số tiền “sai sót” này lên tới 723,8 tỉ

đồng.

Trong chi tiêu thường xuyên thì có tới 16/29 tỉnh được kiểm toán (hơn 50%) đã chi hỗ trợ, chi thường xuyên không đúng chế độ, không thuộc nhiệm vụ chi với số tiền hơn 800 tỉ đồng. Cộng dồn tổng số tiền CTC mà KTNN kiến nghị xử lý lên tới 13.000 tỉ đồng, tương đương nguồn thu ngân sách của 13 tỉnh, thành phố. Một “điểm nóng” hiện nay đang được Quốc hội đặt lên bàn nghị sự là bội chi ngân sách. Thực tế cho thấy, hầu như năm nào nước ta cũng bội chi, con số 8% bội chi năm 2008 được coi là “đỉnh cao” bội chi trong nhiều năm trở lại đây. Năm 2008, tổng chi NSNN tăng 22,3% so với năm 2007 và bằng 118,9% dự toán năm. Trong đó, chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên vượt dự toán tương ứng ở mức 118,3% và 113,3%. Như vậy, vì sao lại bội chi cao, khi mà năm 2008, Việt Nam chủ trương tiết kiệm 10% trong chi thường xuyên và cắt giảm đầu tư công. Theo tính toán, toàn bộ chi thường xuyên năm 2008 khoảng hơn 230.000 tỉ đồng. Như vậy, số tiền 10% tiết kiệm tương ứng phải là hơn 23.000 tỉ đồng; tuy nhiên, chi tiêu thường xuyên năm 2008 lại vượt dự toán hơn 13%.

Mặt khác, điều đáng lo ngại là KTNN cũng như các cơ quan khác thường “đi sau” CTC. Nói cách khác, KTNN chỉ “hậu kiểm” khi các khoản chi công “vung tay quá trán”, lãng phí, thất thoát đã... hoàn tất. Không những thế, KTNN chỉ được “quyền” kiến nghị xử lý chứ không được xử lý, vì vậy, tình trạng trây ỳ, không chấp hành thực hiện kiến nghị của KTNN thường xuyên diễn ra.

Một kênh kiểm soát khá hiệu quả đối với CTC, nhưng cũng “nhỏ bé” về quy mô, đó là thông qua Kho bạc Nhà nước (KBNN). Mỗi năm, Nhà nước chi hàng chục ngàn tỉ đồng thông qua KBNN nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ năm 2000 đến nay, hệ thống KBNN đã thực hiện chức năng kiểm soát cho NSNN trên hai lĩnh vực là chi

thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ bản. Hằng năm, có khoảng 4.000 dự án đầu tư bằng vốn ngân sách trung ương và 13.000 - 15.000 dự án đầu tư bằng vốn ngân sách địa phương được kiểm soát, thanh toán qua KBNN với tổng số tiền hàng chục ngàn tỉ đồng. Theo KBNN, việc chi sai, chi vượt dự toán phiếu giá, lãng phí trong chi tiêu NSNN thường xuyên diễn ra. Chỉ tính riêng năm 2008, KBNN đã phát hiện 45.000 khoản chi của 16.500 lượt đơn vị chưa chấp hành đúng thủ tục, chế độ với số tiền từ chối thanh toán lên tới 320 tỉ đồng...

Với cơ chế và khả năng của KTNN và KBNN, việc kiểm soát những “lỗ hổng” CTC rõ ràng là vô cùng khó khăn. Hệ thống chính quyền, cơ quan công quyền, cơ quan hành chính là đối tượng trực tiếp kiểm soát chi tiêu, đối tượng thụ hưởng nhưng đồng thời cũng chính là đối tượng gây ra thất thoát, lãng phí CTC. Vì thế, khi kiểm soát đã khó khăn thì việc nâng cao hiệu lực của CTC cũng là “lỗ hổng” khó lấp kín.

Bên cạnh đó, việc quản lý vốn đầu tư phát triển còn dàn trải, chưa có quy định đầy đủ về quản lý vốn đầu tư phát triển (lập dự toán, phân bổ vốn, thanh toán và quyết toán vốn, dự án đầu tư). Trong tổ chức thực hiện còn tình trạng bố trí vốn cho nhiều dự án chưa đúng với quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa đủ thủ tục, chưa căn cứ vào nguồn lực, dẫn đến dự án đầu tư triển khai chậm, kéo dài thời gian thực hiện, giảm hiệu quả vốn đầu tư NSNN...

2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chi tiêu công của Việt Nam trong thời gian tới.

Trước thực trạng trên, các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý CTC trong thời gian tới cần tập trung vào một số vấn đề chủ yếu như từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp về quản lý tài chính - NSNN nói riêng và hệ thống pháp luật của

Việt Nam nói chung; tạo lập môi trường tài chính ngân sách lành mạnh nhằm giải phóng và phát triển các nguồn lực; phân bổ ngân sách một cách hợp lý, đảm bảo công bằng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng; ổn định và phát triển nền tài chính quốc gia, góp phần tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, thực hiện xóa đói giảm nghèo... Theo đó:

Một là, xác định cụ thể mục tiêu chiến lược quản lý CTC. Với tư cách là một công cụ trọng tâm của chính sách tài chính quốc gia, liên quan đến việc thực hiện phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính công nên vấn đề xuyên suốt của quản lý CTC là phải giữ kỉ luật tài chính tổng thể, không chế bội chi NSNN. Phân phối nguồn lực tài chính phù hợp với những ưu tiên chiến lược về tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo; đảm bảo công bằng, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Nâng cao tính trách nhiệm, minh bạch, dân chủ trong CTC; đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của các chương trình cung cấp hàng hóa, dịch vụ công cho xã hội.

Thực hiện cải cách quản lý CTC; trong đó, chú ý đặt trong bối cảnh cải cách hành chính công tổng thể và nâng cao năng lực quản lý của Chính phủ. Nhà nước cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các thể chế kinh tế nhằm tạo ra một khu vực công năng động, bao gồm tăng cường xây dựng các thể chế về chính sách; phân bổ nguồn lực gắn kết với kế hoạch và chính sách; thực hiện, kiểm soát và đánh giá kết quả các hoạt động; nâng cao trình độ và năng lực quản lý của cán bộ, công chức; ngăn chặn nạn tham nhũng ...

Quản lý CTC cần đặt trong khuôn khổ chi tiêu trung hạn. Với việc thiết lập khuôn khổ chi tiêu trung hạn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý CTC, thể hiện ở việc tăng cường năng lực của Chính phủ trong lập ngân sách, đặc biệt là khả năng dự báo khi phân bổ ngân sách; tăng cường kỉ luật ngân sách và tính minh bạch cũng như

trách nhiệm giải trình trong sử dụng nguồn lực công; tăng cường chất lượng thông tin ngân sách, tính rõ ràng của các mục tiêu chính sách; hướng sự tập trung của các quan chức Chính phủ vào thời kì trung hạn chứ không chỉ một năm ngân sách hiện hành; cho phép Chính phủ tập trung nhiều hơn vào những ưu tiên mang tính chiến lược mà vẫn làm cho quy trình ngân sách toàn diện hơn.

Hai là, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý và đơn vị sử dụng ngân sách. Hiện nay, cung cách quản lý tập trung, quan liêu là đặc tính của hệ thống lập ngân sách theo truyền thống mà kết quả của nó là nguồn lực tài chính công sử dụng kém hiệu quả và hiệu lực, các cơ quan nhà nước không chịu trách nhiệm về hàng hóa, dịch vụ công cung cấp cho xã hội. Công cụ truyền thống để thực hiện kiểm soát là định mức và khoản mục hóa các khoản chi tiêu, mua sắm đầu vào, nhưng chính sự kiểm soát đầu vào đã gây ra tính kém hiệu quả trong hoạt động bởi vì nó không khuyến khích tiết kiệm, không tạo ra sự gắn kết giữa khối lượng chi tiêu với khối lượng đầu ra. Từ những hạn chế đó, để nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động, quản lý CTC, cần từng bước chuyển từ quản lý ngân sách theo đầu vào sang quản lý ngân sách theo đầu ra, qua đó, giúp Chính phủ và các cơ quan sử dụng ngân sách phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính hiệu quả và hiệu lực hơn.

Người quản lý cần được trao quyền tự chủ trong việc điều hành hoạt động và nâng cao tính tự chịu trách nhiệm về kết quả đầu ra. Những kết quả cần được chi tiết hóa trong ngân sách và trong kế hoạch tài chính có liên quan, trên cơ sở đó, giúp Chính phủ so sánh được kết quả mục tiêu và kết quả thực tế.

Cần tạo ra đòn bẩy kinh tế khuyến khích người quản lý cải thiện và nâng cao chất lượng hoạt động. Đồng thời, phát triển hệ thống thông tin quản lý tài chính và hệ thống kế toán công.

Ba là, nâng cao vai trò của KTNN và KBNN trong kiểm soát CTC. Để phát huy vai trò của các cơ quan KTNN, cần hoàn thiện công tác kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ, đồng thời, tích cực chuyển dần trọng tâm sang kiểm toán hoạt động và tăng cường kiểm toán theo chuyên đề khi nền kinh tế phát triển theo chiều sâu và quản lý CTC chuyển sang quản trị theo kết quả đầu ra, lập ngân sách theo khuôn khổ chi tiêu trung hạn.

KTNN cần hỗ trợ quản lý, kiểm soát CTC trên cả hai phương thức quản lý: theo chi phí đầu vào và theo kết quả đầu ra. Đồng thời, thực hiện kiểm toán đối với các khoản CTC thông qua hai phương thức: kiểm toán trước (tiền kiểm) và kiểm toán sau (hậu kiểm), góp phần ngăn ngừa rủi ro, giảm thiểu sai phạm, nâng cao hiệu quả trong CTC.

Cùng với kiểm toán các khoản CTC, kiểm toán nợ công giúp Chính phủ có được một bức tranh toàn diện về thu, chi, nợ chính phủ, nhất là các khoản nợ bất thường, từ đó hạn chế được rủi ro đối với các nghĩa vụ dự phòng (bất thường). Kiểm toán xác nhận số liệu nợ, đánh giá tính bền vững của nợ chính phủ so với GDP, trong mối quan hệ với bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, cơ cấu nợ, tỉ lệ vay nợ nước ngoài trong tổng số nợ, cơ chế quản lý nợ, mục đích sử dụng các khoản vay nợ (nhất là nợ nước ngoài), tính minh bạch và đầy đủ trong các khoản nợ..., giúp Chính phủ có số liệu xác thực để đề ra các giải pháp tổng thể bảo đảm bền vững của ngân sách trong tương lai.

Tất nhiên, ở đây, KTNN có vai trò rất quan trọng trong quản lý CTC, nhưng KTNN không phải là công cụ kiểm tra duy nhất đối với CTC, vì vậy, cần có sự phối hợp giữa KTNN với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, giám sát khác của Quốc hội, Chính phủ trong việc sử dụng kết quả kiểm toán để giám sát tài chính công và quyết định các vấn đề kinh tế - xã hội.

(Xem tiếp trang 49).

huyện, phường theo Nghị quyết Trung ương 5 khoá X, theo đó, sẽ không có ngân sách ở một số quận, huyện, phường, và sẽ rất phức tạp khi thiết kế nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương. Chính vì thế, cần phải có một bước chuyển tiếp.

Theo đề xuất của Bộ Tài chính, trước mắt sẽ vẫn giữ hệ thống NSNN như quy định hiện hành, chỉ sửa đổi một số nội dung cho phù hợp với thực tế. Bởi vì, mặc dù lồng ghép là vấn đề lớn nhất của NSNN hiện nay, tuy nhiên, không thể bỏ hẳn cơ chế này vì làm vậy thì trái với *Hiến pháp* (quy định rằng Quốc hội quyết định NSNN). Do đó, để hạn chế lồng ghép thì Quốc hội vẫn quyết định tổng thu, chi NSNN,... nhưng không quyết định chi cho giáo dục, khoa học... Tất nhiên, như vậy cũng vẫn còn bất cập vì Quốc hội vẫn phải chia tỉ lệ cho chi đầu tư và chi thường xuyên cho từng tỉnh. Nên chăng, Quốc hội

chỉ quyết định tổng thu, chi, số bội chi - những định hướng cơ bản của ngân sách chứ không đi vào con số cụ thể. Và để tăng tính khả thi, hiệu quả của luật thì cần làm rõ xem Quốc hội quyết định những vấn đề cụ thể gì trong NSNN □

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB. CTQG, H2001, tr102.

2, 3. *Phân cấp ở Đông Á - để chính quyền địa phương phát huy tác dụng* - NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2005, tr. 147, 142.

4. Dự án Tổng kết 20 năm đổi mới ở Việt Nam (chuyên đề cải cách hành chính với phân cấp quản lý: vấn đề và những bứt phá mới).

5. Võ Kim Sơn: *Phân cấp quản lý nhà nước - Lý luận và thực tiễn*, NXB CTQG, H. 2004.

7. Lê Chi Mai: *Phân cấp ngân sách cho chính quyền địa phương - thực trạng và giải pháp*, NXB CTQG, H. 2006.

8. Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ...

(Tiếp theo trang 37)

Bên cạnh KTTN, KBNN cần tập trung triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến chính sách tiết kiệm đồng bộ, cắt giảm chi tiêu thường xuyên, kiểm soát và nâng cao hiệu quả chi đầu tư. Theo quy định hiện hành, các đơn vị thuộc hệ thống chính trị, cơ quan nhà nước, Chính phủ, lực lượng vũ trang, hành chính sự nghiệp, trường học, bệnh viện, các đơn vị sự nghiệp khác sử dụng NSNN đều phải mở tài khoản tại KBNN các cấp và chịu sự quản lý, kiểm soát của KBNN đối với các khoản chi bằng vốn NSNN. Hệ thống KBNN, với vai trò là cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý và kiểm soát quỹ NSNN, mà trực tiếp là kiểm soát chi đối với những đơn vị sử dụng vốn NSNN, phải quản lý đi vào chiều sâu, cụ thể, nhất là quản lý

khoản chi mua sắm, hội nghị, tiếp khách, hoạt động lễ hội, kỉ niệm, đón nhận huân chương, danh hiệu thi đua...; kiên quyết từ chối những khoản chi vượt định mức, tiêu chuẩn quy định; hạn chế các khoản chi chưa thật cần thiết, nhằm thực hiện mục tiêu giảm 10% chi thường xuyên. Đối với khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, các dự án vốn NSNN, vốn trái phiếu chính phủ phải kiểm soát từng chứng từ, hoá đơn, phiếu giá công trình; đối chiếu dự toán, giá cả, khối lượng. Qua đó, nắm tiến độ giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn của từng công trình, kiến nghị các bộ, ngành chủ quản rà soát và kiên quyết cắt giảm không bố trí vốn đầu tư những công trình chưa thật sự cấp bách hoặc hiệu quả đầu tư thấp; tập trung các nguồn vốn cho công trình trọng điểm quốc gia □